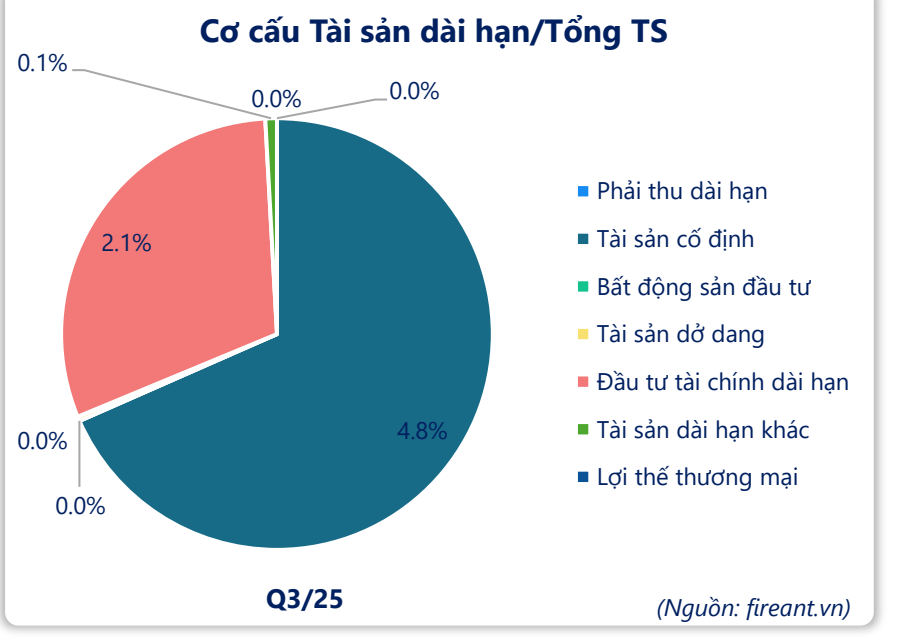
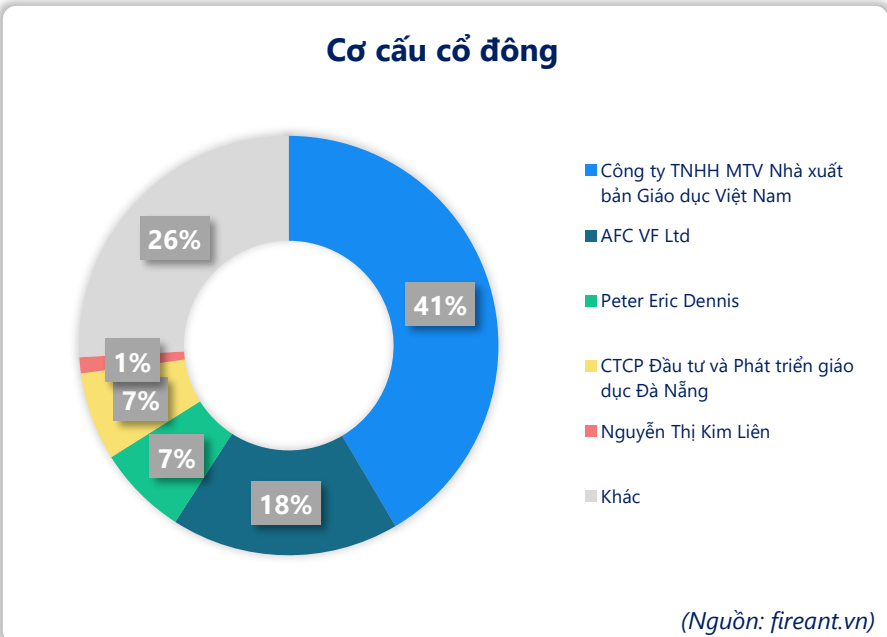
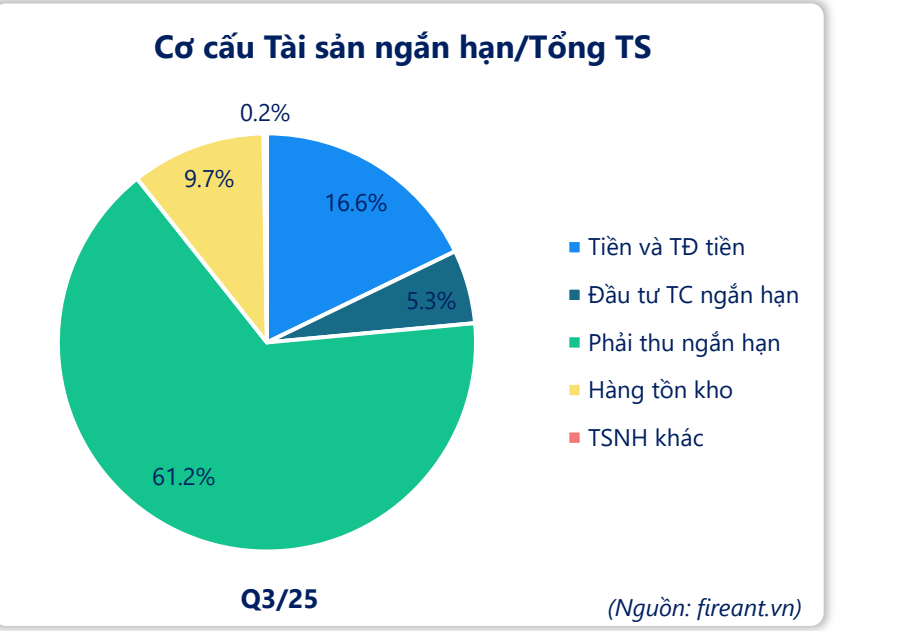
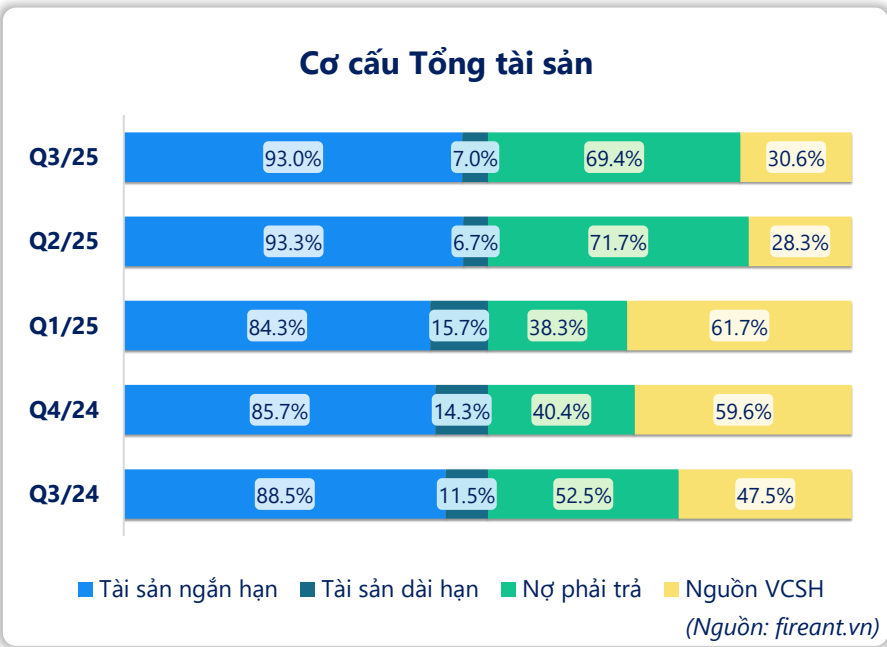
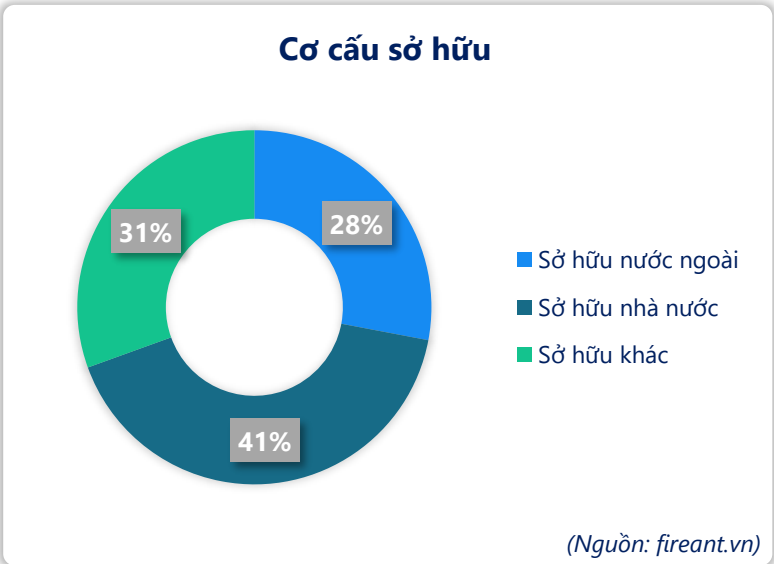
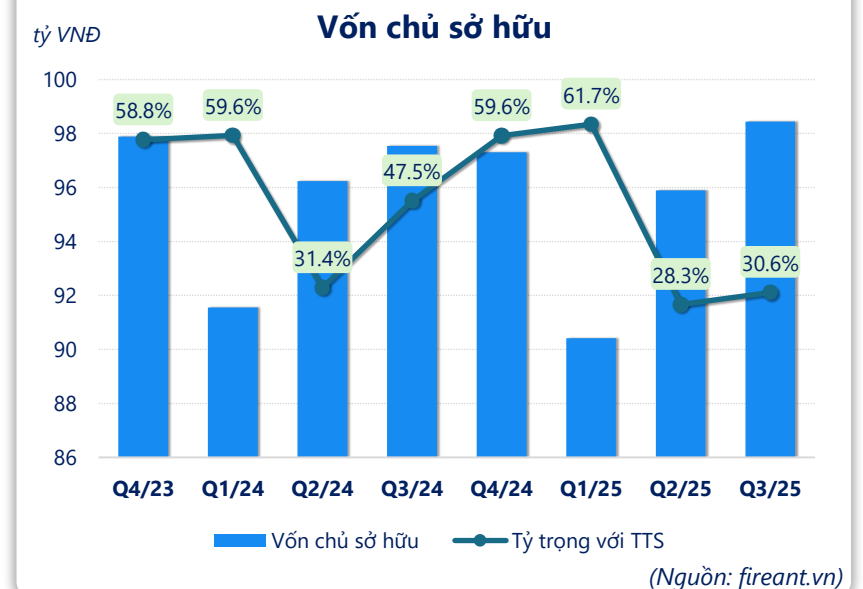
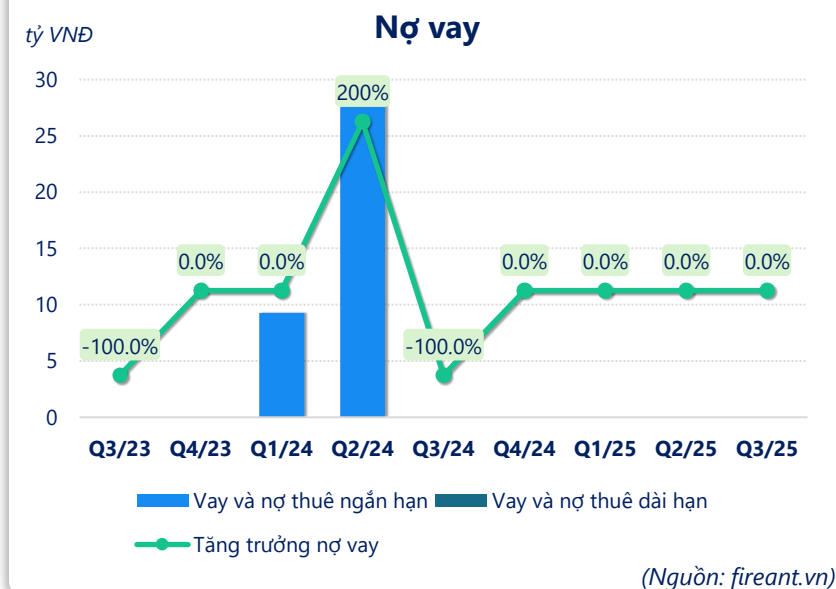
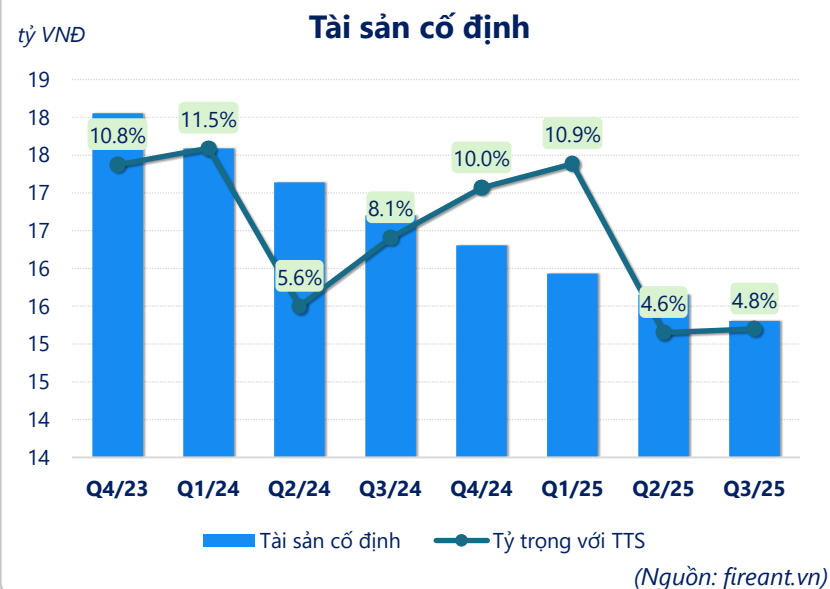
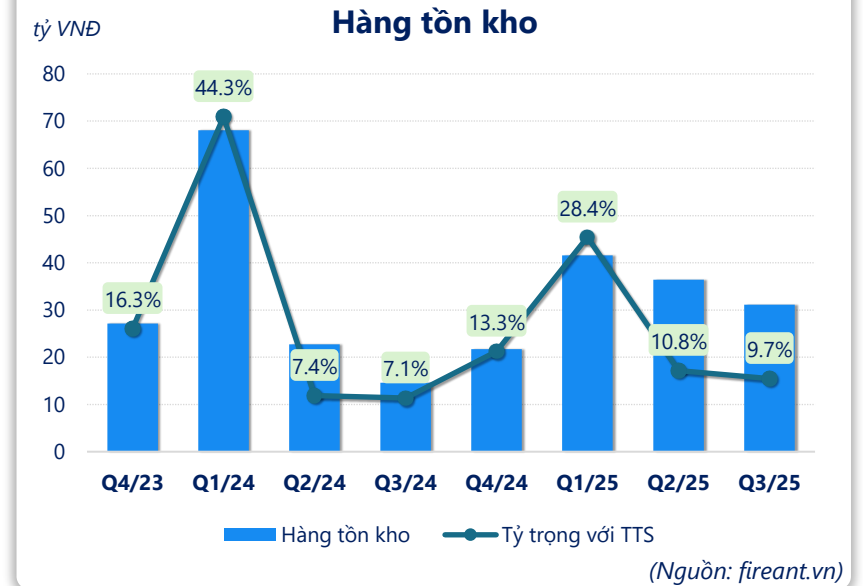
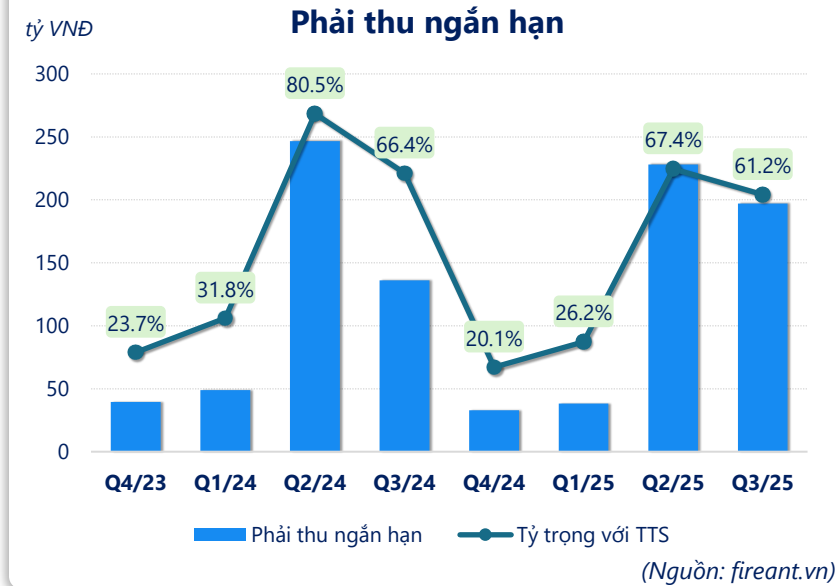
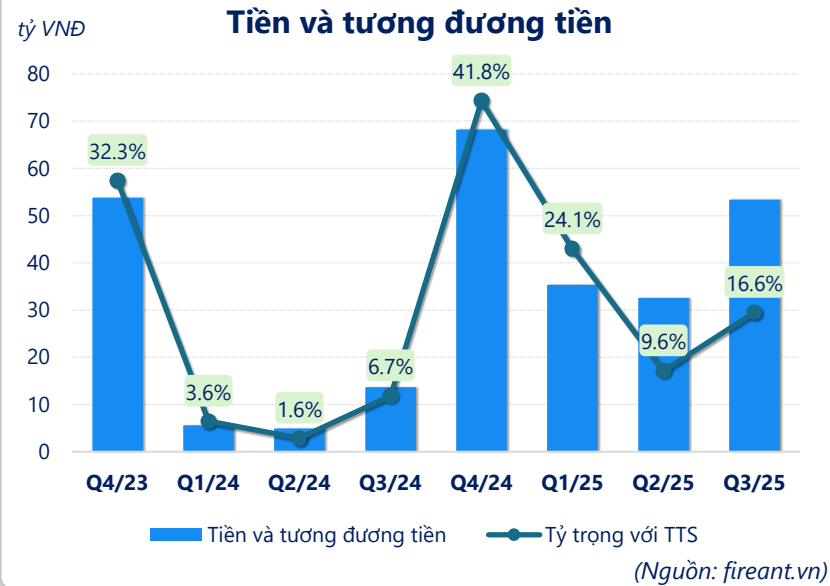
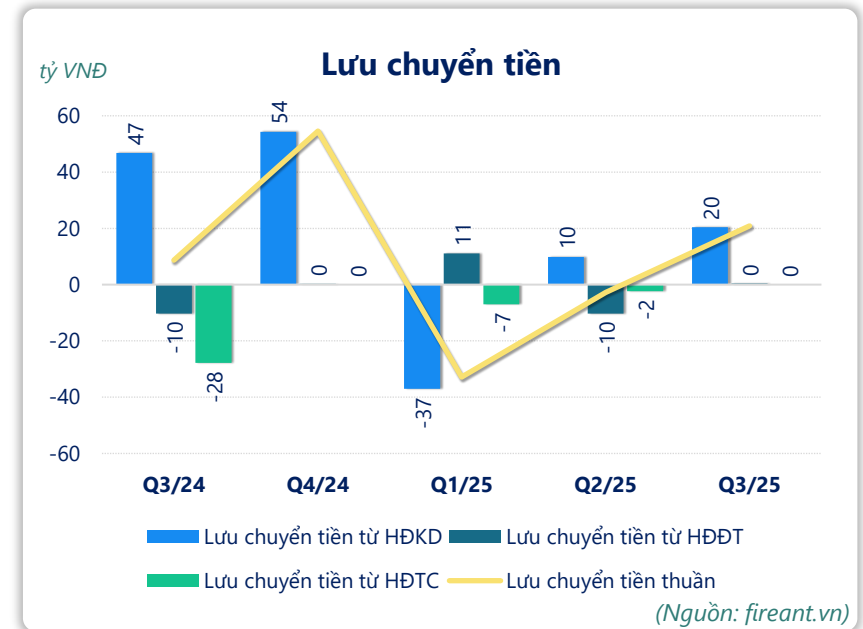
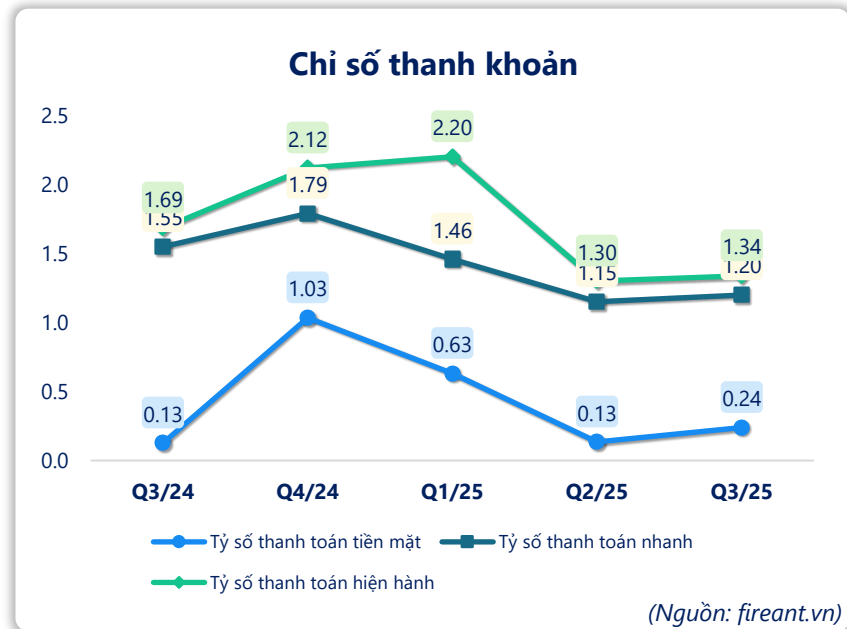
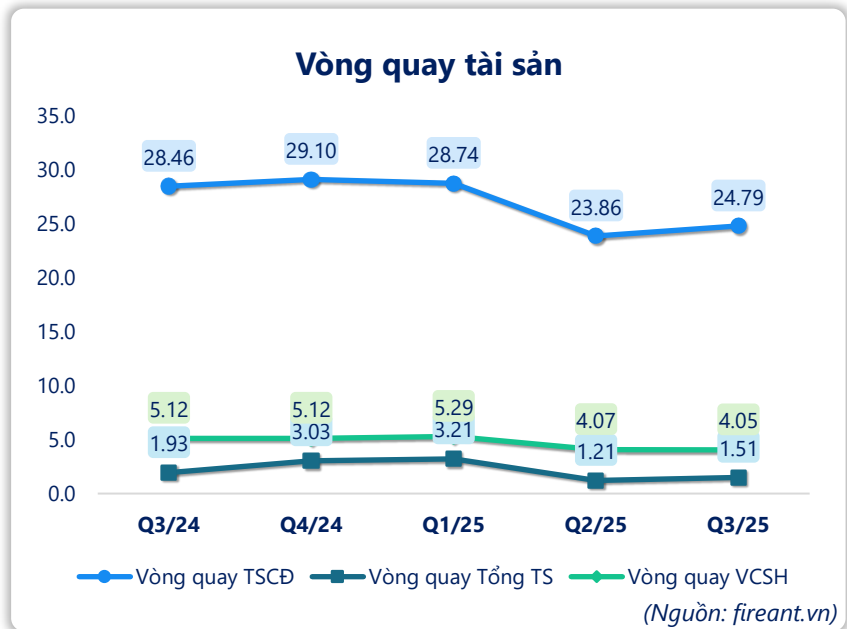
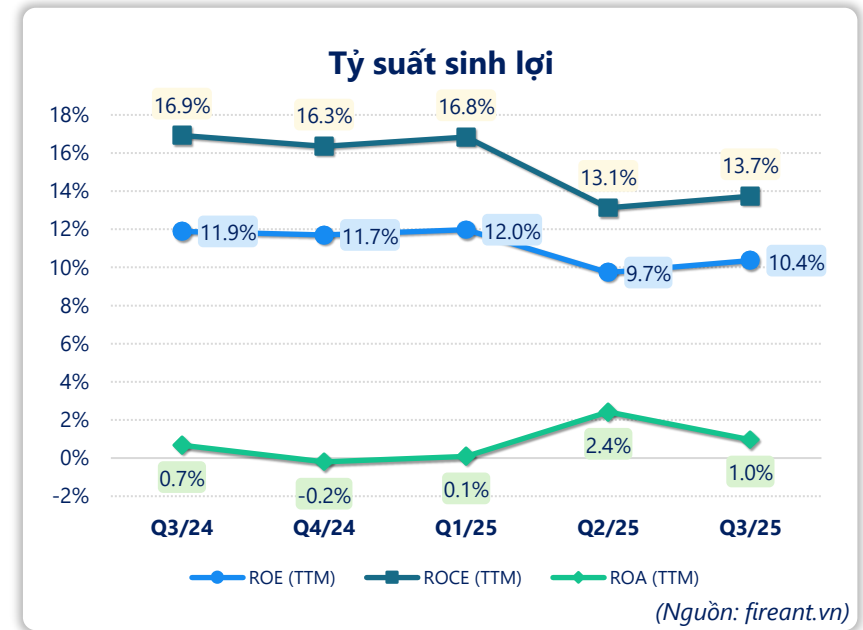
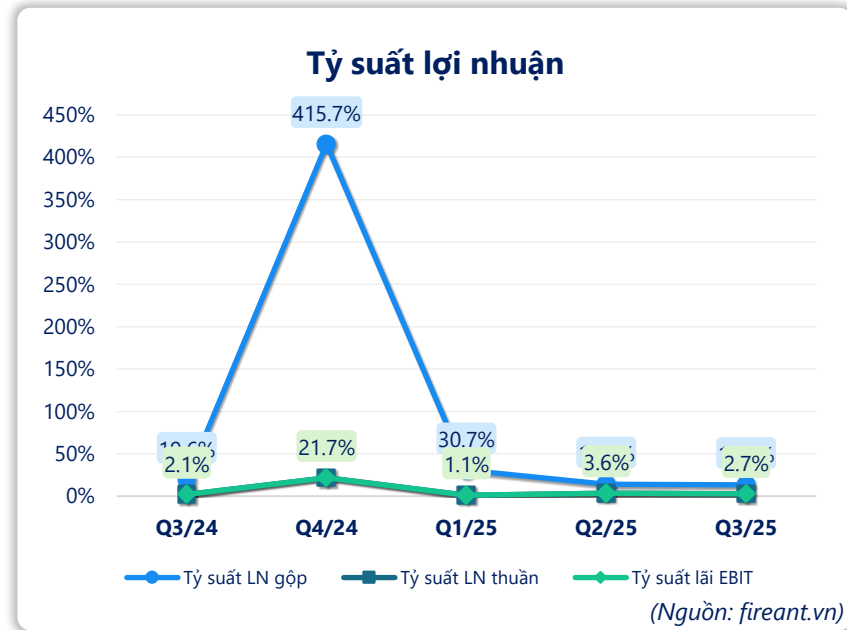
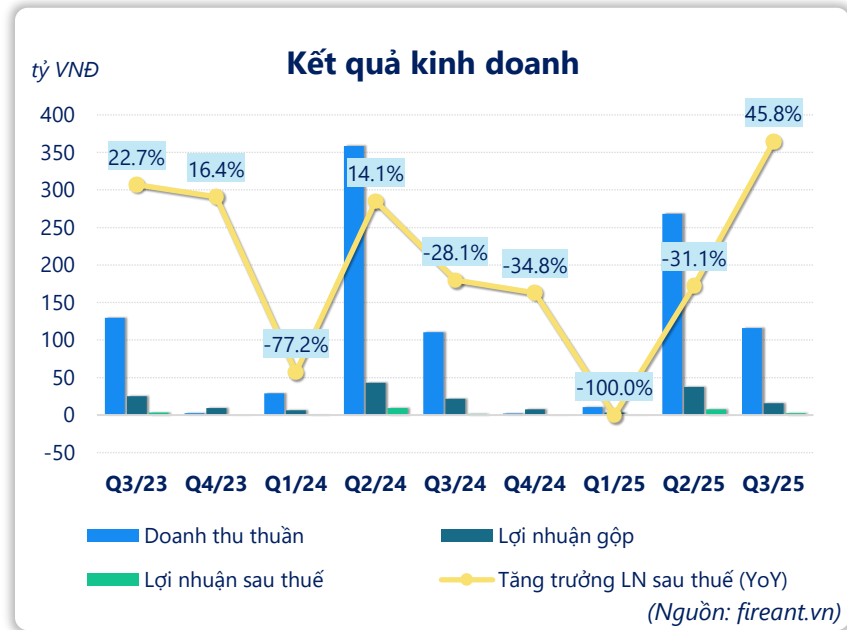


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		17,800
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		20,325
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		16,550
SL cổ phiếu LH		4,659,200
KLGD BQ 20 phiên (CP)		1,470
% sở hữu nước ngoài		28.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		83
P/E		8.2
EPS		2,178

	YTD	1T	3T	6T
DAD	-6.2%	-2.2%	-3.3%	-4.8%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	322	163	97.2%
Tài sản ngắn hạn	300	140	114%
Tiền và tương đương tiền	53.4	68.2	-21.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	17.1	16.1	6.3%
Phải thu ngắn hạn	197	32.9	499%
Hàng tồn kho	31.1	21.7	43.6%
Tài sản ngắn hạn khác	0.79	0.98	-19.0%
Tài sản dài hạn	22.4	23.4	-4.4%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	15.3	16.3	-6.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.08	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	6.80	6.80	0.0%
Tài sản dài hạn khác	0.19	0.29	-32.8%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	223	66.0	239%
Nợ ngắn hạn	223	66.0	239%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	175	26.2	567%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	98.4	97.3	1.2%
Vốn chủ sở hữu	98.4	97.3	1.2%
Vốn điều lệ	50.0	50.0	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	111	1.87	10.6	268	116
Giá vốn hàng bán	88.9	-5.89	7.34	231	100
Lợi nhuận gộp	21.7	7.76	3.25	37.6	15.5
Doanh thu HĐTC	0.16	3.14	1.64	0.51	1.14
Chi phí TC	0.56	0.01	0	0.23	0.11
Chi phí lãi vay	0.15	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	13.8	6.29	2.59	17.2	9.44
Chi phí QLDN	5.31	4.19	2.17	10.9	3.94
LN thuần từ HĐKD	2.18	0.41	0.12	9.75	3.19
Lợi nhuận khác	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
LN trước thuế	2.18	0.41	0.12	9.75	3.19
Lợi nhuận sau thuế	1.75	-0.32	0.12	7.80	2.55
LNST của CĐ cty mẹ	1.75	-0.32	0.12	7.80	2.55

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	46.8	54.3	-37.0	9.84	20.4
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-10.3	0.24	11.1	-10.3	0.44
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-27.8	0	-6.99	-2.33	0
Tiền đầu kỳ	4.94	13.6	68.2	35.4	32.6
Lưu chuyển tiền thuần	8.71	54.6	-32.8	-2.78	20.8
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	13.6	68.2	35.4	32.6	53.4

(Nguồn: fireant.vn)